

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm)

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:

Câu 1. Cho tập hợp A gồm các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn 8?

- A. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.
B. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$.
C. $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$.
D. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8\}$.

Câu 2. Cho các số 123; 541; 677; 440. Số chia hết cho 3 là

- A. 123. B. 541. C. 677 D. 440

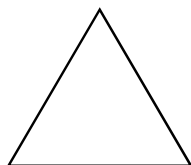
Câu 3. Số đối của số - 5 là

- A. -5 B. $\frac{1}{5}$ C. 5 D. $-\frac{1}{5}$

Câu 4. Tìm tập hợp B(4) ?

- A. $\{1; 2; 4\}$ B. $\{1; 4; 8; 12; 16; 20; \dots\}$
C. $\{0; 4; 8; 12; 16; 20\}$ D. $\{0; 4; 8; 12; 16; 20; \dots\}$

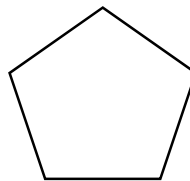
Câu 5. Trong các hình sau, hình nào là lục giác đều?. Biết rằng các cạnh trong mỗi hình bằng nhau.



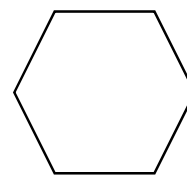
A. Hình 1.



B. Hình 2.



C. Hình 3.



D. Hình 4.

Câu 6. Trong hình chữ nhật

- A. hai đường chéo bằng nhau.
B. hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
C. hai đường chéo song song.
D. hai đường chéo song song và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường

Câu 7. Danh sách học sinh nhóm 1 của lớp 6A.

STT	Họ và tên
1	Đoàn Minh Nhật
2	Nguyễn Văn Tài
3	Nguyễn Nhật
4	123 Bình Lợi

Bạn số mấy cung cấp thông tin không hợp lý

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4

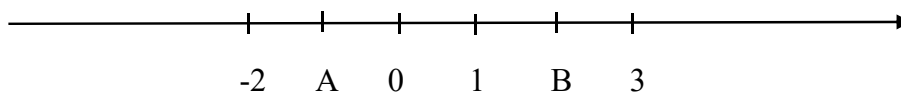
Câu 8. Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	0	1	8	8	9	4	6	4

Số học sinh đạt điểm Giỏi (từ điểm 8 trở lên) là:

- A.4 B.6 C.10 D.14

Câu 9. Các điểm A và B ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?



- A. -3 và 2 B. 2 và -3 C. 1 và 2 D. -1 và 2

Câu 10. Thực hiện phép tính $20 - 2 \cdot (-3) + 10$

- A. -20 B. 20 C. 36 D. 24

Câu 11. Cho biểu đồ sau :

Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số máy cày của 5 xã.

Xã	Số máy cày
Xã A	
Xã B	
Xã C	
Xã D	
Xã E	

( = 10 máy cày;  = 5 máy cày)

- A. Xã A có 5 máy cày
B. Xã B có 40 máy cày
C. Xã C và D có tất cả 50 máy cày
D. Xã D và E có tất cả 55 máy cày

Câu 12. Bạn An đi nhà sách mua: 5 cây bút bi, 1 quyển sách và 15 quyển tập. Biết giá mỗi cây bút là 4 000 đồng, sách giá 60 000 đồng và tập giá 8 000đ mỗi quyển. Bạn An mang theo 190 000 đồng. Bạn An thừa hay thiếu bao nhiêu tiền ?

- A. Thừa 10 000đ B. Thiếu 10 000đ C. Thiếu 15 000đ D. Thừa 15 000đ

II. TỰ LUẬN : (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm)

- a) Liệt kê các số nguyên tố có hai chữ số nhỏ hơn 25.
b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự giảm dần: 14 ; -2 ; 0 ; 7 ; -10 ; -1.
c) Tìm tập hợp các ước của 16.

Câu 2. (3,25 điểm)

- a) (0,75đ) Tính: $20^{2023} : 20^{2021} \cdot 20$
b) (0,5đ) Tính giá trị của biểu thức: $100 - \{200 : [31 + 2 \cdot (4 - 7)] - 88\}$
c) (1đ) Tìm x, biết: $2 \cdot (x + 4) = -10$
d) (1đ) Học sinh của một trường khi xếp hàng 20, 25, 30 đều dư 13 em nhưng khi xếp hàng 45 thì dư 28 em. Tính số học sinh của trường đó. Biết số học sinh chưa đến 1000 em.

Câu 3. (1,25 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 20m, chiều rộng 10m.

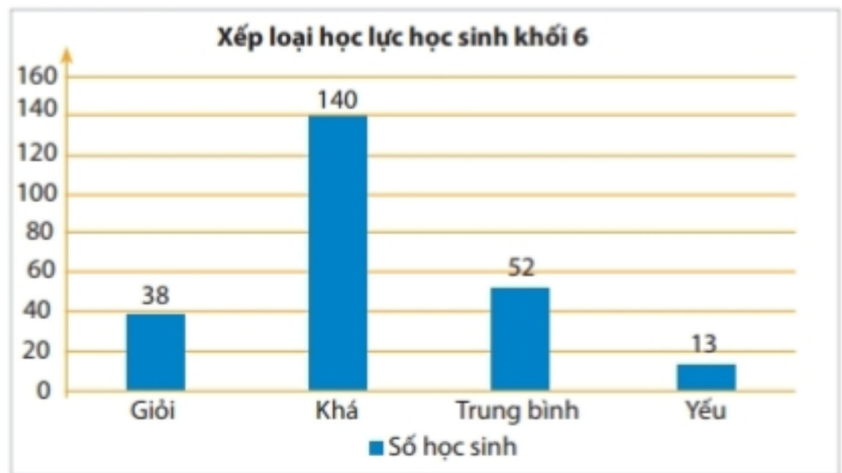
- a) (0,5đ) Tính diện tích khu vườn đó?
b) (0,75đ) Người ta dự định trồng cây toàn bộ khu vườn. Biết mỗi cây khi trồng cần 50 dm² diện tích mặt đất. Tính số cây cần trồng?

Câu 4. (1 điểm)

Cho biểu đồ cột cho biết thông tin về kết quả học tập của học sinh khối 6 của một trường THCS.

Từ biểu đồ em hãy cho biết:

- Số học sinh xếp loại học lực giỏi là bao nhiêu học sinh?
- Số học sinh xếp loại học lực khá nhiều hơn hay ít hơn tổng số học sinh xếp loại học lực trung bình và yếu.



- Chúc các em làm bài thật tốt ! -

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	C	D	D	B	D	D	D	C	D	B

II. Tự luận

Câu		Nội dung	Điểm
1	a	$\{ 11; 13; 17; 19; 23 \}$	0,5
	b	Thứ tự giảm dần là: 14; 7; 0 ; -1; -2; -10	0,5
	c	$U(16)=\{1; 2 ; 4 ; 8;16\}$	0,5
2	a	$20^{2023} : 20^{2021} . 20$ $= 20^2 . 20$ $= 20^3$	0,75
	b	$100 - \{ 200 : [31 + 2 . (4 - 7)] - 88 \}$ $= 100 - \{ 200 : [31 + 2 . (- 3)] - 88 \}$ $= 100 - \{ 200 : [31 - 6] - 88 \}$ $= 100 - \{ 200 : 25 - 88 \}$ $= 100 - \{ 8 - 88 \}$ $= 100 - (- 80)$ $= 180$	0,5
	c	$2 . (x + 4) = - 10$ $x + 4 = - 10 : 2$ $x + 4 = - 5$ $x = - 5 - 4$ $x = - 9$	0,5 0,5
	d	ĐS: 613 HS	1
3	a	Diện tích khu vườn: $20 . 10 = 200 \text{ m}^2$	0,5
	b	Số cây cần tìm: $200 : 0,5 = 400$ cây	0,75
4	a	Số học sinh xếp loại học lực giỏi là 38 HS	0,5
	b	Tổng số học sinh xếp loại học lực trung bình và yếu là 65 HS Vì $140 > 65$ Nên số học sinh xếp loại học lực khá nhiều hơn tổng số học sinh xếp loại học lực trung bình và yếu.	0,5

